

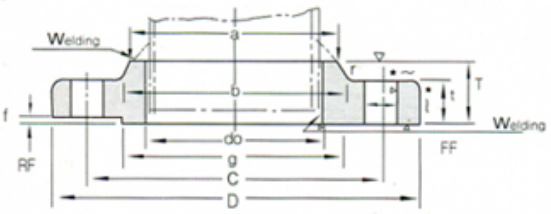
MẶT BÍCH THÉP INOX

MÃ SẢN PHẨM	**SP - 37**
TÊN SẢN PHẨM	**MẶT BÍCH RỔNG THÉP ĐÚC SS400 JIS 16K B2220**
Loại Bích	Mặt bích rổng mặt phẳnng SOP (FF), nâng cao mặt SOH (RF)
Chất Liệu	Thép đúc áp lực-Forged Carbon Steel SS 400 - SF 440A

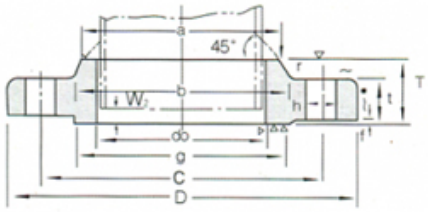
Tiêu Chuẩn	JIS 16K B2220 - KS B1503
Áp Lực	JIS 16K - 20K - 30K - 40K - 63K
Kích Cỡ	DN 15A → DN 1200A ~ (½" inch → 48" inch) ~ (22.2 mm đến 1225 mm)
Sử Dụng	Nước, nước thải, hơi nóng, khí nén, gas, xăng, dầu,...
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%
Xuất Xứ	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam
Đơn Giá	Xin liên hệ

16K KS B1503 JIS B2220

NOMINAL SIZE 10-600 mm



NOMINAL SIZE 650-1200 mm



*The surface finish(~)
is in the case of die forging

Unit:mm

Nominal Dia. of Flange	Outside Dia. of Flange D	Sectional Dimensions of Flange												Nominal Bolt Size	Approx. Weight (kg)
		Bolt Circle Dia. C	Dia. of Raised Face g	Inside Dia. of Flange do	Outside Dia. of Steel Pipe	t	T	Dia. of Hub a	Dia. of Hub b	Radius r	f	Hole Dia. h	Number of Bolt Holes		
10	90	65	46	17.8	17.3	12	16	26	28	4	1	15	4	M12	0.52
15	95	70	51	22.2	21.7	12	16	30	32	4	1	15	4	M12	0.58
20	100	75	56	27.7	27.2	14	20	38	42	4	1	15	4	M12	0.75
25	125	90	67	34.5	34.0	14	20	46	50	4	1	19	4	M16	1.16
32	135	100	76	43.2	42.7	16	22	56	60	5	2	19	4	M16	1.53
40	140	105	81	49.1	48.6	16	24	62	66	5	2	19	4	M16	1.64
50	155	120	92	61.1	60.5	16	24	76	80	5	2	19	8	M16	1.83
65	175	140	116	77.1	76.3	18	26	94	98	5	2	19	8	M16	2.58
80	200	160	132	90.0	89.1	20	28	108	112	6	2	23	8	M20	3.66
(90)	210	170	145	102.6	101.6	20	30	120	124	6	2	23	8	M20	3.95
100	225	185	160	115.4	114.3	22	34	134	138	6	2	23	8	M20	4.94
125	270	225	195	141.2	139.8	22	34	164	170	6	2	25	8	M22	7.00
150	305	260	230	166.6	165.2	24	38	196	202	6	2	25	12	M22	9.62
200	350	305	275	218.0	216.3	26	40	244	252	6	2	25	12	M22	12.1
250	430	380	345	269.5	267.4	28	44	304	312	6	2	27	12	M24	20.0
300	480	430	395	321.0	318.5	30	48	354	364	8	3	27	16	M24	24.4
350	540	480	440	358.1	355.6	34	52	398	408	8	3	33	16	M30 × 3	35.0
400	605	540	495	409.0	406.4	38	60	446	456	10	3	33	16	M30 × 3	46.2
450	675	605	560	460.0	457.2	40	64	504	514	10	3	33	20	M30 × 3	61.9
500	730	660	615	511.0	508.0	42	68	558	568	10	3	33	20	M30 × 3	73.25
(550)	795	720	670	562.0	558.8	44	70	612	622	10	3	39	20	M36 × 3	88.1
600	845	770	720	613.0	609.6	46	74	666	676	10	3	39	24	M36 × 3	98.8
(650)	895	820	770	664	660.4	48	77	704	726	10	5	39	24	M36 × 3	101
700	960	875	820	715	711.2	50	80	754	776	10	5	42	24	M39 × 3	120
(750)	1020	935	880	766	762.0	52	83	806	832	10	5	42	24	M39 × 3	141
800	1085	990	930	817	812.8	54	86	865	885	10	5	48	24	M45 × 3	161
(850)	1135	1040	980	868	863.6	56	89	916	936	10	5	48	24	M45 × 3	177
900	1185	1090	1030	919	914.4	58	93	968	986	10	5	48	28	M45 × 3	191
1000	1320	1210	1140	1021	1016.0	62	99	1070	1098	12	5	56	28	M52 × 3	230
(1100)	1420	1310	1240	1123	1117.6	66	105	1180	1200	12	5	56	32	M52 × 3	289
1200	1530	1420	1350	1225	1219.2	70	112	1282	1302	12	5	56	32	M52 × 3	348

Sản phẩm khác



RẮC CO REN THÉP RÈN A105

Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105



CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L



MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH RỔNG INOX 304



MẶT BÍCH INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304



MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40



MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

Xem thêm MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS